

Bản án số: 275/2020/HS-ST
Ngày 27-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Hàn Hòa Thuận
3. Ông Hà Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hải - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 312/2020/HSST ngày 04 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3253/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc L (tên gọi khác: GE); giới tính: nữ; sinh ngày 27 tháng 9 năm 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường ND, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Trần Văn Bông và bà: Lê Thị Ngọc Hiếu (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 02 con (lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1996); tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 14/4/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” (Bản án số 71/2011/HSST ngày 14/4/2011 – BL 83-85); bị cáo có kháng cáo; ngày 18/7/2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo L (Bản án số 442/2011/HSPT ngày 18/7/2011 – BL 86-89); ngày 26/4/2017, chấp hành xong án phạt tù (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 196/GCN ngày 26/4/2017 của Giám thị Trại giam Thủ Đức – BL 141); đã thực hiện phần thi hành án dân sự theo các biên lai thu năm 2013 và năm 2014 (Văn bản trả lời xác minh ngày 17/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 - BL 90);

Bị bắt, tạm giam ngày: 15/01/2020 (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Nguyễn Hồng Lạc - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Hồng Lạc, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Ngọc L (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà TTTT, sinh năm: 1989, là con của bị cáo L (có mặt)

Trú tại: số A đường ND, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà NTTT, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Trú tại: số A đường ND, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

■ Diễn biến sự việc:

Vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 15/01/2020, tại giao lộ Võ Văn Kiệt – Trần Đình Xu, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 1 phát hiện, bắt quả tang bị cáo Trần Ngọc L có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để bán cho người khác, thu giữ: Trong nón vải bị cáo đang cầm trên tay có 01 túi màu đen đựng 01 gói nylon chứa 24 gói nylon chứa chất bột màu trắng (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 448,80 gam, loại Heroine), 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 25,7182 gam, loại Methamphetamine), 01 điện thoại di động, 01 xe gắn máy biển số 59L2-VVV.VV và số tiền 4.000.000 đồng.

■ Tại Cơ quan điều tra:

Bị cáo Trần Ngọc L khai nhận: Ngày 28/12/2019, một người bạn tên Đ (không rõ lai lịch) cho bị cáo L số điện thoại của đối tượng tên G (không rõ lai lịch) và gợi ý để L bán ma túy cho G, L đồng ý. Sau đó, bị cáo L gặp đối tượng T1 (không rõ lai lịch, là đối tượng bán ma túy) để thỏa thuận mua ma túy với giá 10.500.000 đồng/ 5 chỉ Heroine, 4.000.000 đồng/ 10 gam ma túy đá, về bán lại cho G với giá 11.500.000 đồng/ 5 chỉ Heroine, 5.000.000 đồng/ 10 gam ma túy đá, cụ thể:

- Lần 01: Ngày 03/01/2020, Trần Ngọc L liên hệ với đối tượng G qua số điện thoại 0933759605, báo giá ma túy, G đồng ý nên đặt mua 12 gói Heroine (mỗi gói 5 chỉ) và 01 gói ma túy đá. Bị cáo L đến gặp T1 mua số ma túy mà G đặt với giá 130.000.000 đồng, mang đến bán lại cho G giá 143.000.000 đồng, thu lợi 13.000.000 đồng.

- Lần 02: Ngày 08/01/2020, Trần Ngọc L mua của T1 18 gói Heroine (mỗi gói 5 chỉ) và 01 gói ma túy đá với giá 193.000.000 đồng, bán lại cho G giá 212.000.000 đồng, thu lợi 19.000.000 đồng.

- Lần 03: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, G đặt mua 24 gói Heroine (mỗi gói 5 chỉ) và 02 gói ma túy đá giá 286.000.000 đồng. L liên hệ với

T1 qua số điện thoại 0909628183, hỏi mua số ma túy như G đã đặt với giá 260.000.000 đồng. L đến điểm hẹn tại khu vực ngã 3 Cây Sung – Bến Bình Đông, Quận 8 mua ma túy của T1, đem về nhà bỏ vào túi vải đen, cất giấu trong nón vải màu trắng và chuẩn bị bắt taxi đến đường Bùi Viện, Quận 1 bán cho G. Lúc này, bà NTTH (cháu gái bị cáo L) đến chơi, L đưa chìa khóa xe gắn máy biển số 59L2-VVV.VV nhờ bà H chở đến đường Bùi Viện, Quận 1. Khi đến giao lộ Võ Văn Kiệt – Trần Đình Xu thì bị bắt quả tang cùng vật chứng như đã nêu. Bà H không biết việc bị cáo L mua bán ma túy.

Bà NTTH khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Ngọc L về việc bị cáo nhờ bà H chở đến đường Bùi Viện, Quận 1. Bà H không biết bị cáo mua bán ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý hình sự đối với bà H.

■ Văn bản giám định của cơ quan chuyên môn:

Tại Kết luận giám định số 216/KLGD-H ngày 22/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 48) đối với 01 gói được niêm phong, bên ngoài có các chữ ký ghi tên Trần Ngọc L, Lê Vĩnh Lộc (người chứng kiến) và hình dấu Công an phường Cầu Kho, Quận 1 thể hiện:

- Bột màu trắng được ký hiệu mẫu m_1 cần giám định đều là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 448,80 gam, loại Heroine.

- Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m_2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 25,7182 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 241/CTr-VKS-P1 ngày 01/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trần Ngọc L về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng ghi nhận.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Trần Ngọc L tù chung thân, buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, Kiểm sát viên cũng đề nghị xử lý phần tang vật theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh và điều khoản mà bản Cáo trạng truy tố. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến việc mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo chỉ mang tính nhỏ lẻ, mua từ đối tượng T1 và bán lại cho đối tượng G, không phải quy mô lớn cùng số lượng lớn; ma túy được thu giữ kịp thời nên tác hại được ngăn chặn, hậu quả chưa xảy ra; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động khai cả những lần thực hiện hành vi phạm tội trước đó thể hiện bị cáo không có ý thức chống đối lại pháp luật hình sự. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt

khoan hồng đối với bị cáo, thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo cũng không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng.

Trước khi khai mạc phiên tòa, Luật sư Trịnh Bá Thân nộp Đơn xin hoãn phiên tòa ghi ngày 27/7/2020 với nội dung: Bà TTTT (con bị cáo L) có yêu cầu Luật sư tham gia tố tụng với vai trò là người bào chữa cho bị cáo L tại giai đoạn xét xử sơ thẩm; do yêu cầu được đưa ra sát ngày xét xử (Phiếu yêu cầu Luật sư ngày 24/7/2020), Luật sư đề nghị được hoãn phiên tòa để có điều kiện thực hiện thủ tục đăng ký bào chữa và nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc L đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo xác định đồng ý xét xử, đồng ý Luật sư Nguyễn Hồng Lạc là người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Sau khi nghe ý kiến của bị cáo L, bà TTTT xác định không tiếp tục yêu cầu Luật sư Thân bào chữa cho mẹ là bị cáo L; bà T thống nhất với ý kiến của bị cáo, đồng ý tiếp tục phiên tòa. Trên cơ sở Điều 16 (bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội), Điều 75 (người bào chữa do người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ lựa chọn), Điều 77 (mọi trường hợp thay đổi hoặc từ chối người bào chữa đều phải có sự đồng ý của người bị buộc tội) của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bị cáo Trần Ngọc L về việc tiếp tục phiên tòa ngày 27/7/2020 và chấp nhận Luật sư Nguyễn Hồng Lạc tiếp tục bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm.

Về tên gọi khác của bị cáo Trần Ngọc L: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc L khai có tên gọi khác là GE. Tên gọi này phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (Bản án số 71/2011/HSST ngày 14/4/2011 của Tòa án nhân dân Quận 8; Bản án số 442/2011/HSPT ngày 18/7/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số 196/GCN ngày 26/4/2017 của Giám thị Trại giam Thủ Đức...) nên Hội đồng xét xử ghi nhận vào phần đầu bản án.

[2] Quá trình điều tra vụ án và xét hỏi tại phiên tòa thể hiện lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra người và thu giữ vật chứng, biên bản khám xét, vật chứng thu được, bản kết luận giám định, biên bản xác định địa điểm nơi giao ma túy... Hội đồng xét xử có căn cứ xác định nội dung vụ án như bản Cáo trạng ghi nhận, cụ thể:

Bị cáo Trần Ngọc L đã có hành vi mua đi bán lại trái phép chất ma túy, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 448,80 gam, loại Heroine và 25,7182 gam, loại Methamphetamine từ đối tượng tên T1 và bán cho đối tượng tên G nhằm hưởng lợi và bị bắt quả tang cùng tang vật là ma túy.

Bị cáo Trần Ngọc L nhận thức được ma túy là chất gây nghiện độc hại, các hoạt động liên quan đến ma túy chịu sự quản lý và kiểm soát nghiêm ngặt của Nhà nước theo các quy định pháp luật, nhận thức được các hoạt động trái phép liên quan đến ma túy nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy.

Từ các lập luận trên, đối chiếu các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Trần Ngọc L phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Ngọc L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng ma túy bị thu giữ là: 474,5182 gam các ma túy ở thể rắn (gồm: 448,80 gam, loại Heroine và 25,7182 gam, loại Methamphetamine), thuộc trường hợp quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với 02 lần mua bán ma túy bị cáo khai trước đó, do hiện chỉ có lời khai của bị cáo, không xác định được người mua nên không có cơ sở để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những lần mua bán này.

Năm 2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về “Tội Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyên tắc có lợi cho bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn áp dụng khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để buộc bị cáo nộp phạt một khoản tiền sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[3] Đối với đối tượng tên T1, Đ và G: Do bị cáo khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ để xử lý.

[4] Vật chứng của vụ án:

- Đối với số ma túy chứa trong 01 gói niêm phong: Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cái nón vải; 01 túi vải màu đen và 01 túi nylon đen: Các vật này không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cái điện thoại di động Nokia (thu giữ khi bắt quả tang bị cáo): Do đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng (tạm giữ khi bắt quả tang bị cáo): Bị cáo khai nhận đây là tiền do mua bán ma túy có được nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xe gắn máy biển số 59L2-VVV.VV:

Kết quả xác minh thể hiện chiếc xe do bà TTTT (con bị cáo L) đứng tên sở hữu. Ngày 15/01/2020, bà T để xe ở nhà thì bị cáo tự lấy xe đi. Bà T không biết việc bị cáo sử dụng xe thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định xử lý vật chứng số 121-16 ngày 14/4/2020 giao trả chiếc xe trên cho bà T và đã thực hiện việc giao trả theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu cùng ngày 14/4/2020 tại Kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC10) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL 132, 134). Tại phiên tòa, bà T xác nhận đã nhận lại chiếc xe trên và không có ý kiến nào khác.

[5] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm truy tố của Cáo trạng; chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư về việc xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo nhưng không chấp nhận đề nghị quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc L (GE) phạm “Tội Mua bán trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Trần Ngọc L (GE): Tù chung thân. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/01/2020.

Buộc bị cáo Trần Ngọc L (GE) nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

■ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 216/2020, có chữ ký ghi tên giám định viên PTQ và Cán bộ điều tra PĐH bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định; mã số: GNP/290BB/2020;

- 01 (một) cái nón vải; 01 (một) túi vải màu đen và 01 (một) túi nylon đen (có chung mã số: LT/290BB/2020).

■ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) cái điện thoại di động hiệu Nokia, Imei: 357732107406446; mã số: DT/290BB/2020;

- Số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

(Tang vật vụ án theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2020/290 ngày 02/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, tiền theo Giấy nộp tiền ngày 06/4/2020 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh 10 – Thành phố Hồ Chí Minh – BL 144, 145)

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Người có QLNVLQ; (4)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (27) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan